TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh;

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2571/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 14, Tổ X, khu phố HP, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ X, khu phố HP, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Bá T kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/2009. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau. Vì không muốn gia đình đỗ vỡ, vợ chồng đã nhiều lần trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc nhưng không được. Nay bà N xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc PA, sinh ngày 03/11/2010, cháu Nguyễn Tâm A1, sinh ngày 04/7/2014 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 23/01/2020. Ly hôn, bà N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Bá T đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng N ly hôn ông Nguyễn Bá T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc PA, sinh ngày 03/11/2010, cháu Nguyễn Tâm A1, sinh ngày 04/7/2014 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 23/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời, ông Nguyễn Bá T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh ngày 30/11/2022 của Công an phường P, thành phố B thì bị đơn ông Nguyễn Bá T đang cư trú tại Tổ X, khu phố HP, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông T kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/2009. Căn cứ các Điều 9, 11, 12, 13 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Theo bà N, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã và không tôn trọng nhau.

Theo kết quả xác minh ngày 30/11/2022, địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T. Tuy nhiên, các đương sự đã được Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng bà N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, có cơ sở chứng minh bà N đã cương quyết ly hôn; ông T bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những nhận định trên, xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho bà N được ly hôn với ông T.

- Về con chung:

Bà N và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc PA, sinh ngày 03/11/2010, cháu Nguyễn Tâm A1, sinh ngày 04/7/2014 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 23/01/2020. Xét thấy, cháu PA và cháu A1 có nguyện vọng sống chung với mẹ, cháu L còn nhỏ mới hơn 03 tuổi và bà N có thu nhập ổn định để nuôi dưỡng 03 con chung. Vì vậy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt cho con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận nhưng ông T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N xác định không có nhưng ông T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12, 13 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đối với bị đơn ông Nguyễn Bá T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng N ly hôn ông Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc PA, sinh ngày 03/11/2010, cháu Nguyễn Tâm A1, sinh ngày 04/7/2014 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 23/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời, ông Nguyễn Bá T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong

trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004151 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Hoàng Long